

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phân bón Miền Nam

Ngày 31/12/2025	10,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.0%	-1.4%	-4.6%

DT thuần Q4/25
328
tỷ VNĐ
QoQ: ▼350 -51.7%
YoY: ▼182 -35.8%

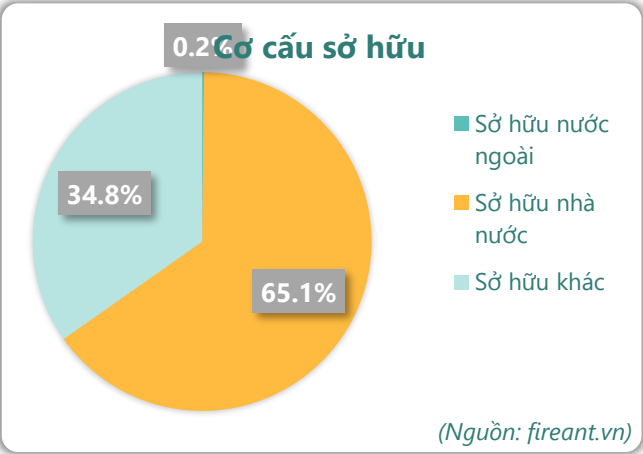
LN thuần Q4/25
4.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.70 -65.8%
YoY: ▲ 1.75 78.0%

LN sau thuế Q4/25
2.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.82 -71.1%
YoY: ▼1.63 -37.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.8%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE 2025
4.7%
YoY: +/-▲ 0.8%

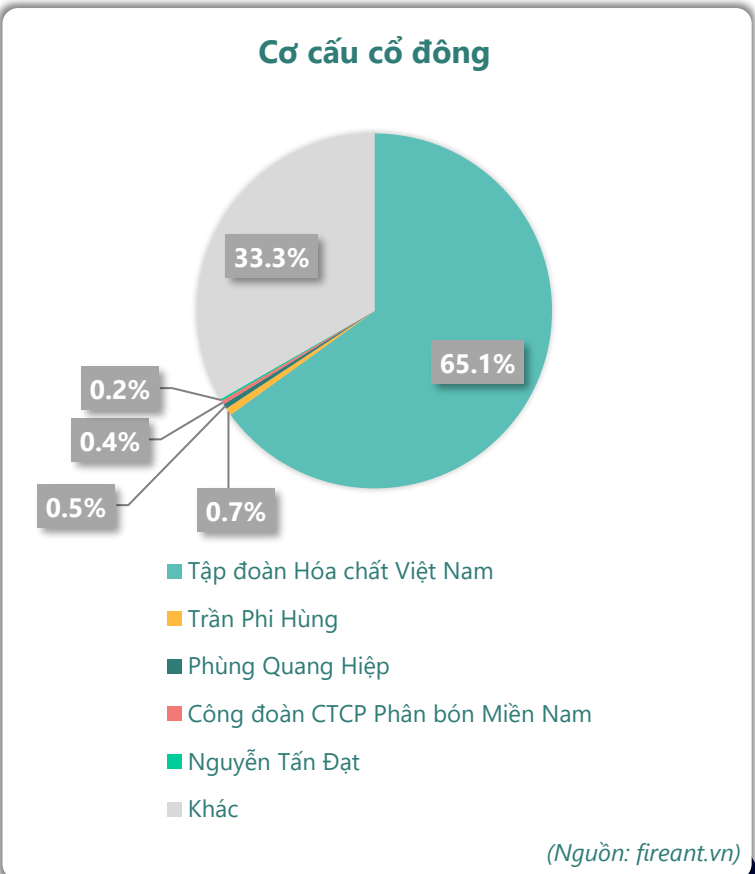
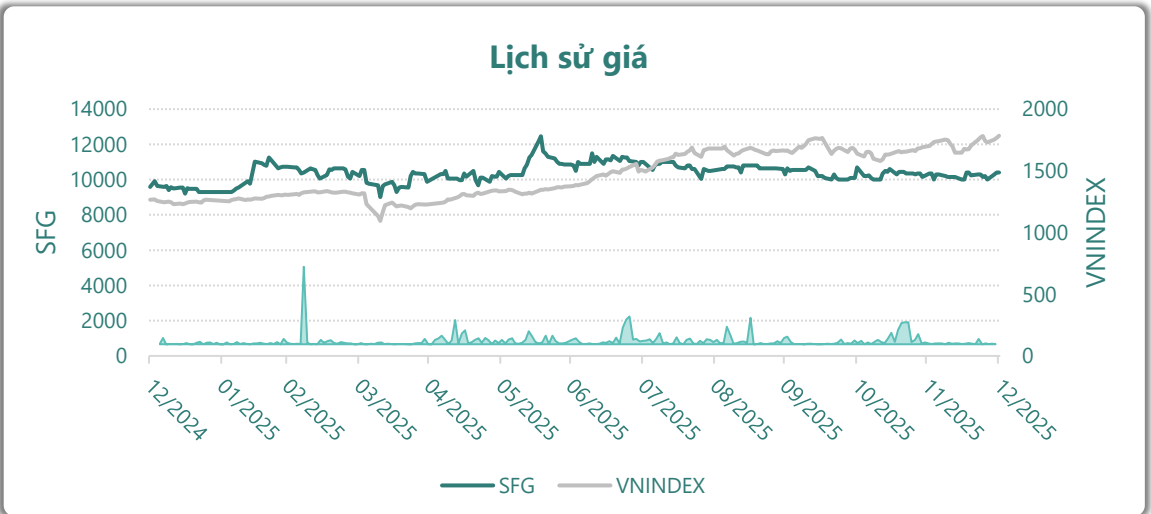
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,012 - 12,463
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	498
Số lượng CPLH (CP)	47,897,333
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,470
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.23
EPS	644
P/E	16.2



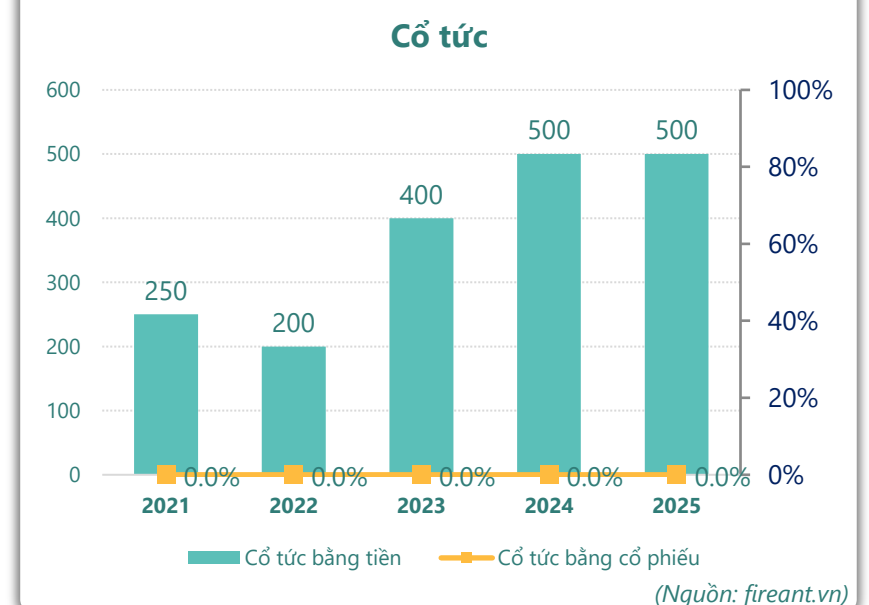
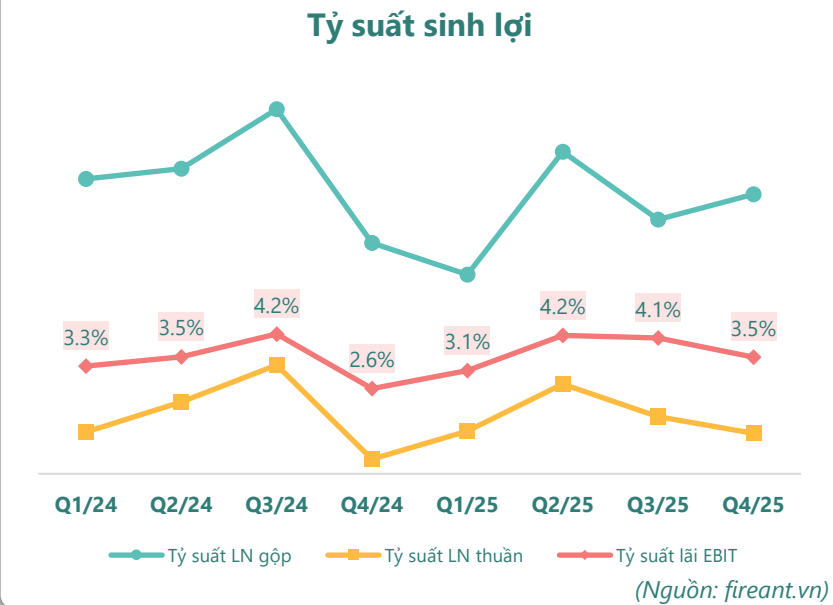
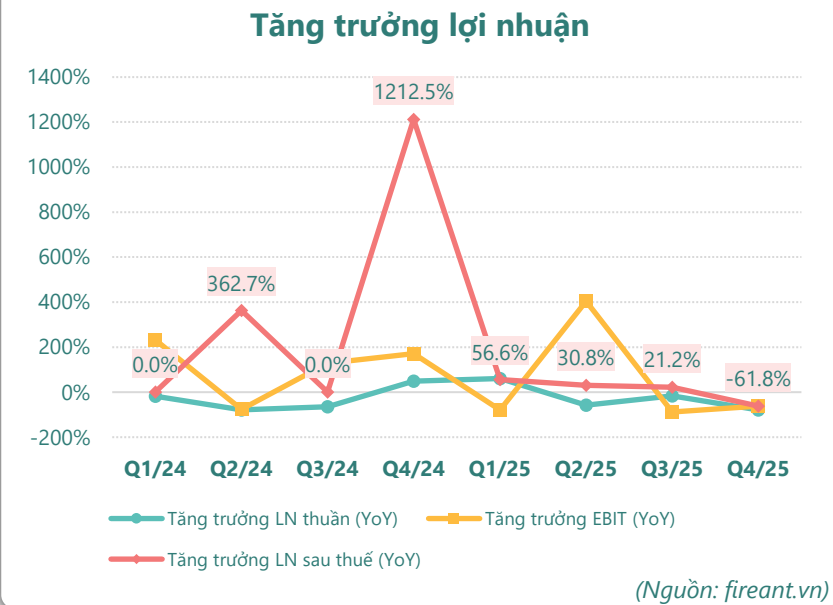
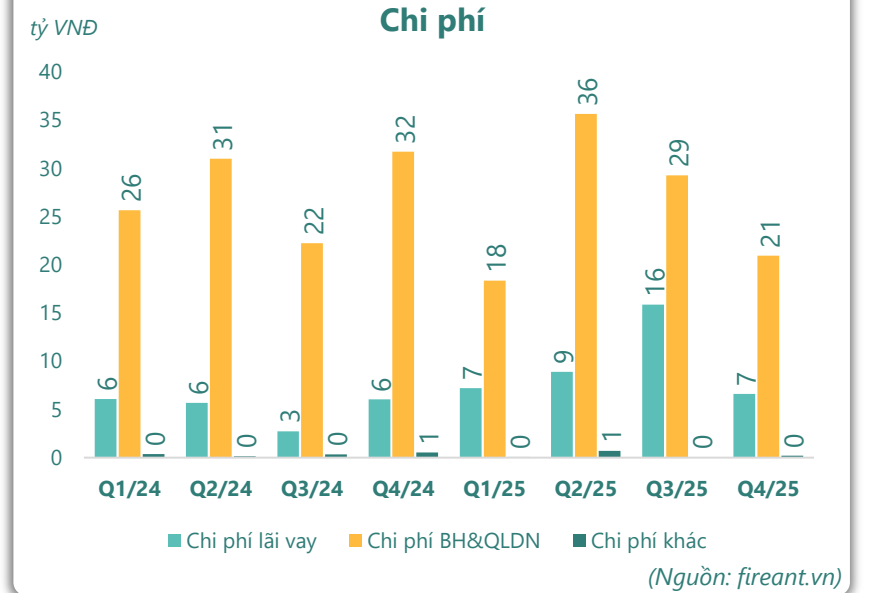
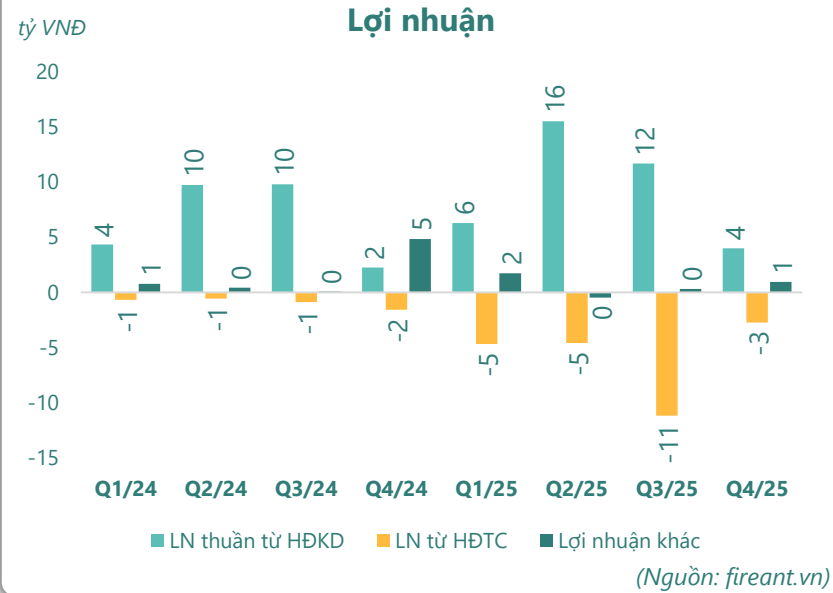
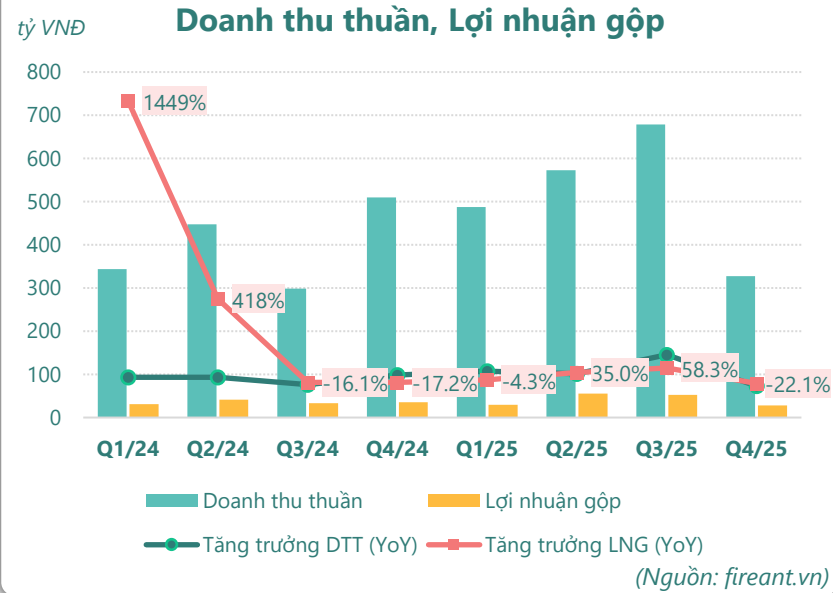
DT thuần 2025
2,066
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 466 29.1%

LN thuần 2025
37.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.5 44.1%

LN sau thuế 2025
30.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10 20.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



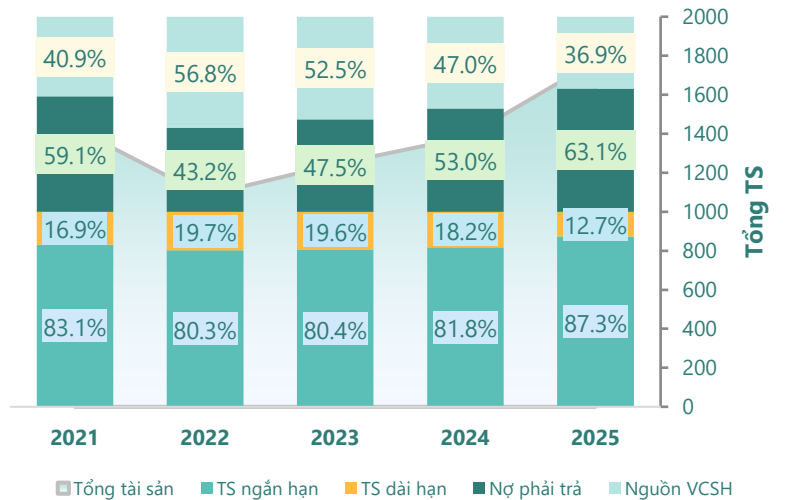


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

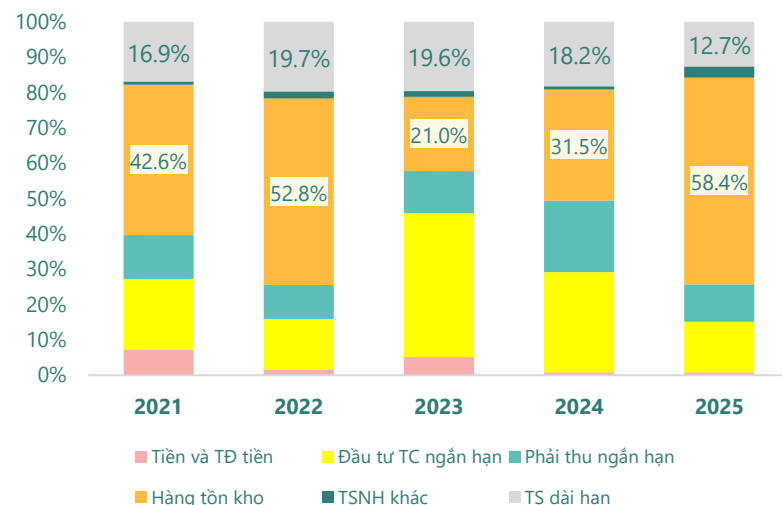
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

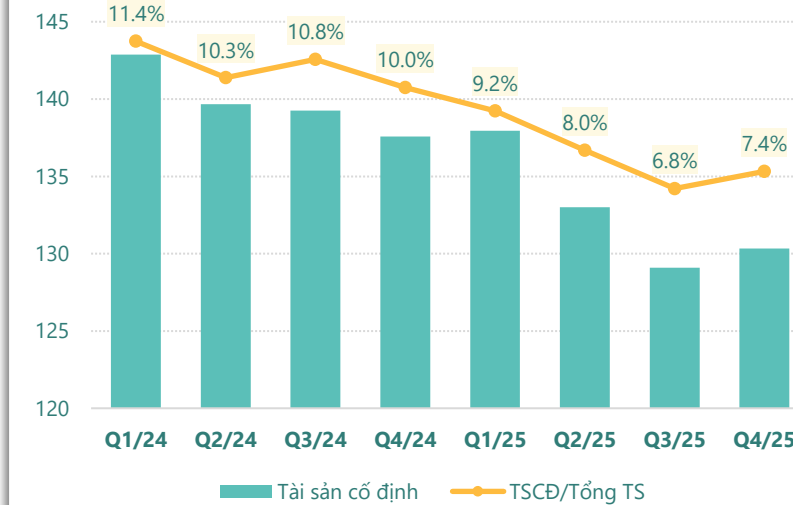
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

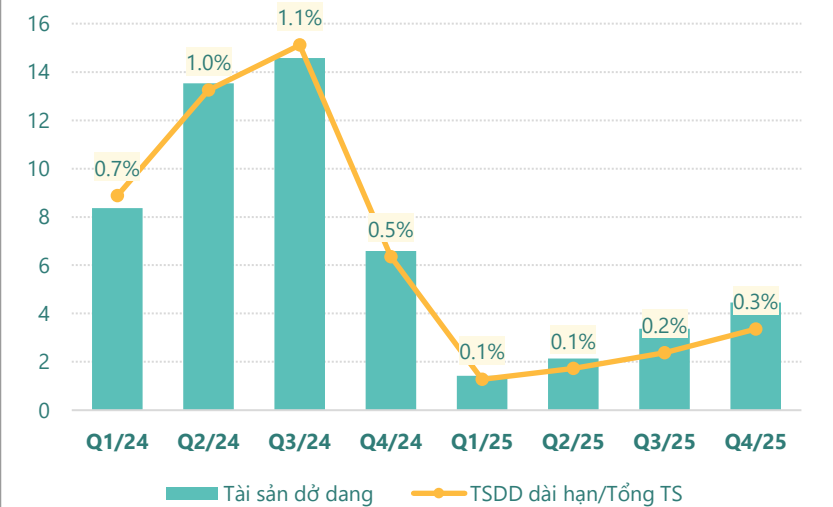
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

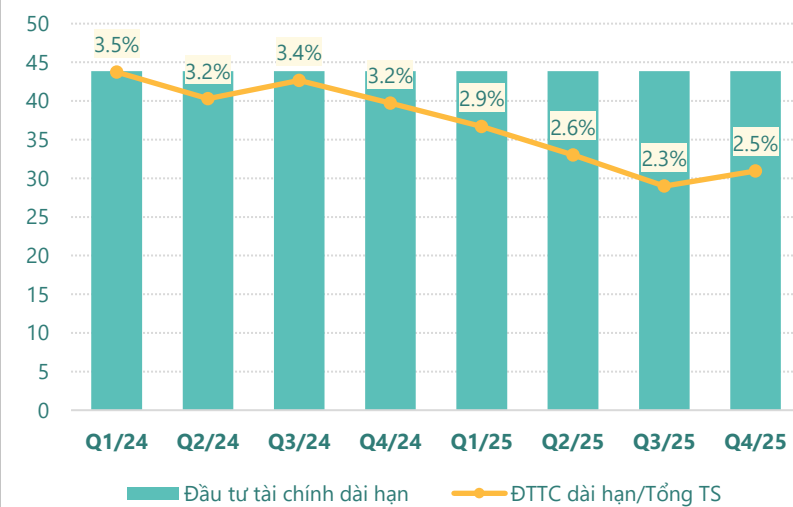
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

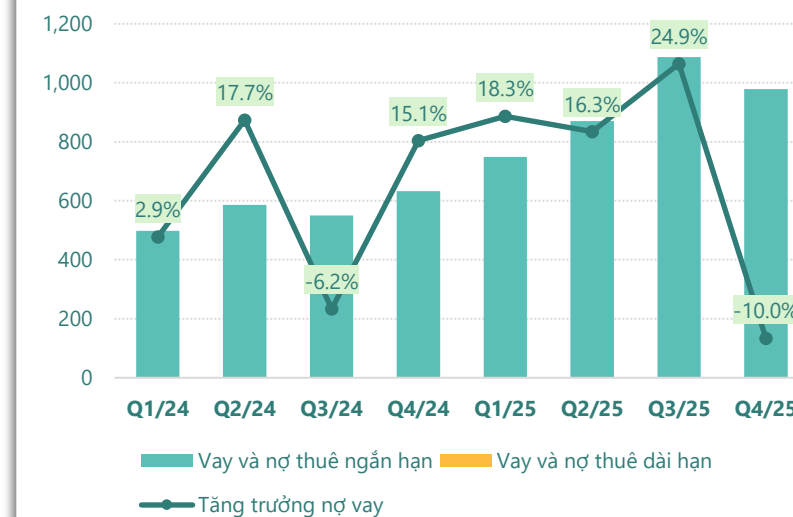
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

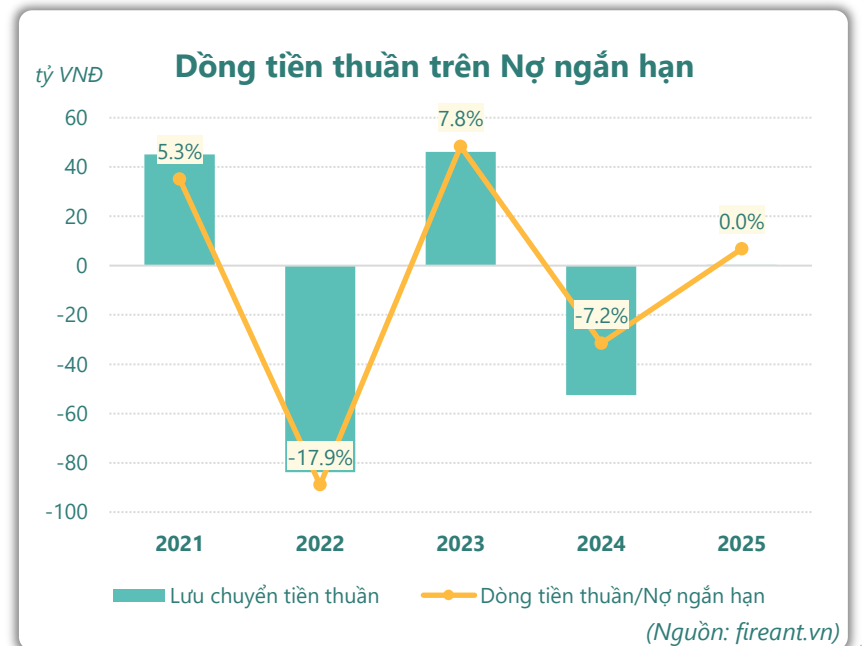
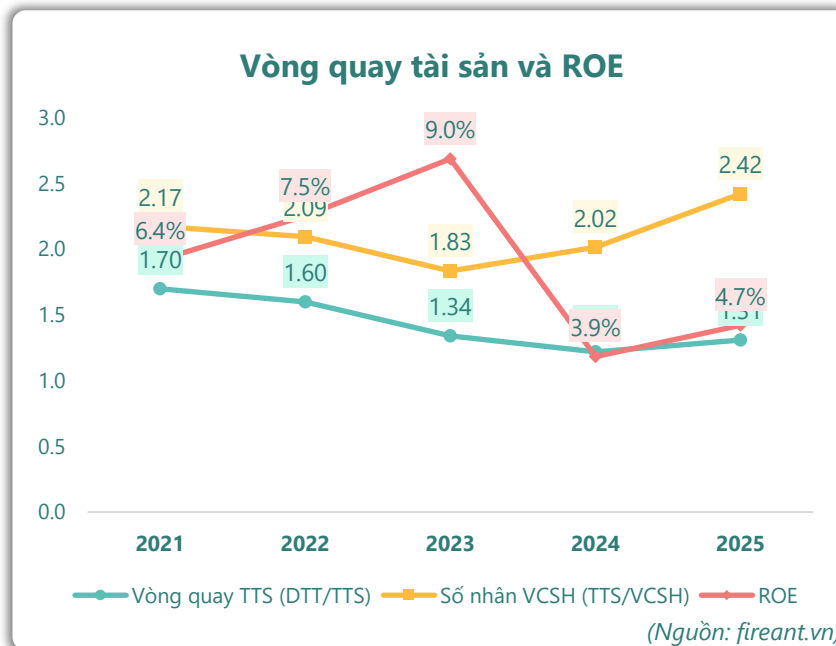
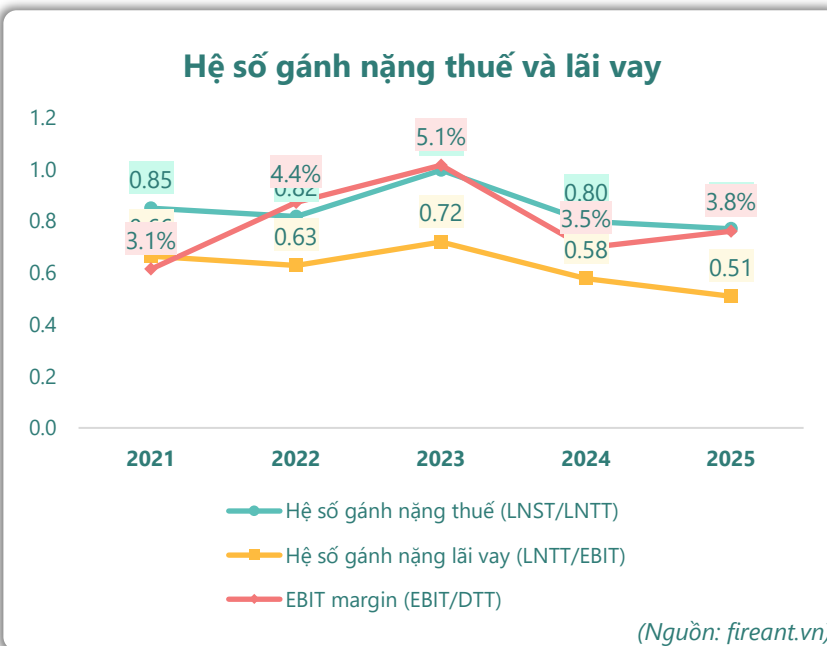
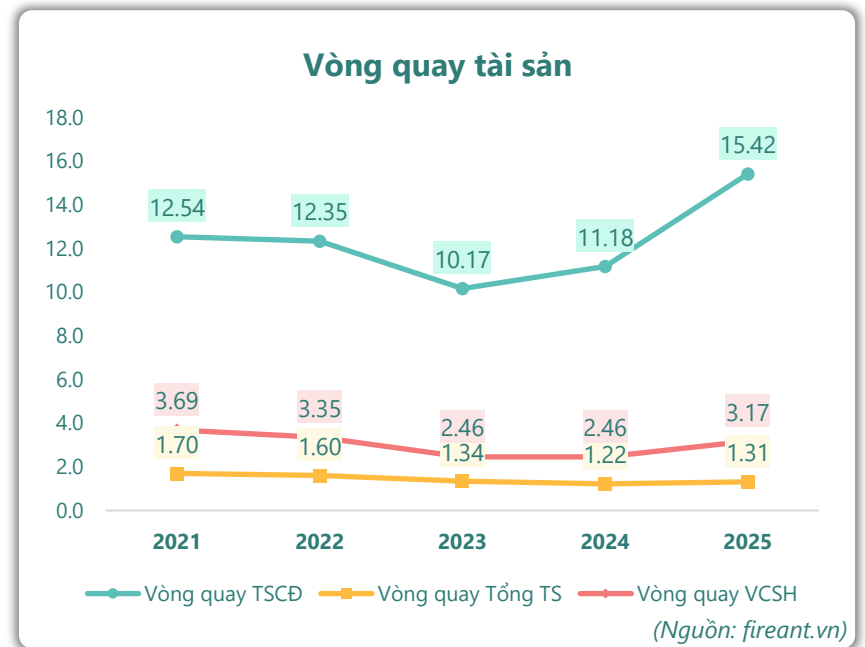
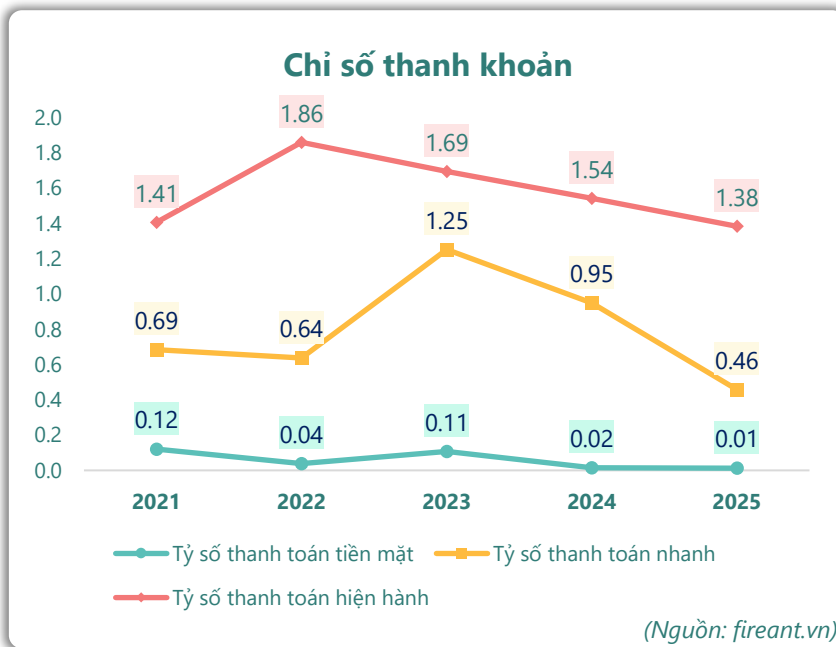
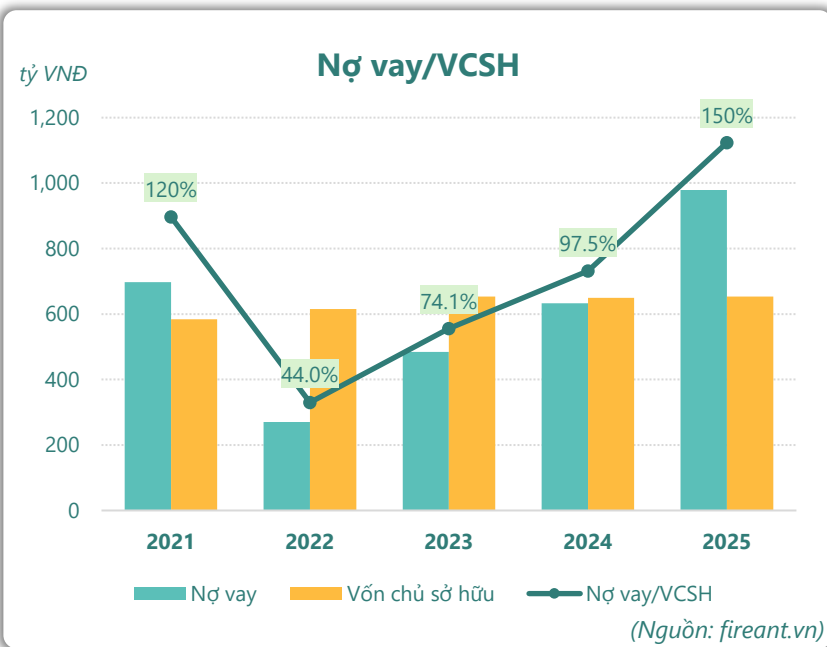
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	328	510	-35.8%	2,066	1,600	29.1%
Giá vốn hàng bán	300	474	-36.7%	1,901	1,461	30.1%
Lợi nhuận gộp	27.7	35.6	-22.2%	165	140	18.3%
Doanh thu HĐTC	5.98	5.01	19.3%	24.0	26.8	-10.7%
Chi phí TC	8.70	6.59	32.1%	47.2	29.7	59.1%
Chi phí lãi vay	6.61	6.03	9.6%	38.6	23.5	63.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.49	19.9	-52.3%	52.1	61.5	-15.3%
Chi phí QLDN	11.5	11.8	-2.8%	52.2	49.2	6.1%
LN thuần từ HĐKD	4.00	2.25	78.0%	37.5	26.0	44.1%
Lợi nhuận khác	0.96	4.85	-80.3%	2.51	6.10	-58.9%
LN trước thuế	4.96	7.09	-30.0%	40.0	32.1	24.5%
Lợi nhuận sau thuế	2.78	4.41	-37.0%	30.8	25.7	20.0%
LNST của CĐ cty mẹ	2.78	4.41	-37.0%	30.8	25.7	20.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.38	-158	-89.5	-95.8	-199	-97.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.6	62.4	-15.0	-2.89	80.5	97.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-59.4	82.8	116	122	193	-108
Tiền đầu kỳ	51.5	23.9	11.3	22.4	45.8	120
Lưu chuyển tiền thuần	-27.4	-12.5	11.1	23.1	74.3	-108
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.19	-0.08	0	0.30	-0.30	2.22
Tiền cuối kỳ	23.9	11.3	22.4	45.8	120	13.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,772	1,382	28.2%
Tài sản ngắn hạn	1,548	1,130	37.0%
Tiền và tương đương tiền	13.9	11.3	22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	255	391	-34.9%
Phải thu ngắn hạn	188	280	-33.0%
Hàng tồn kho	1,036	435	138%
Tài sản ngắn hạn khác	56.0	12.3	355%
Tài sản dài hạn	224	252	-11.1%
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.0%
Tài sản cố định	130	138	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.46	6.33	-29.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.9	43.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	45.4	64.2	-29.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,119	732	52.7%
Nợ ngắn hạn	1,118	732	52.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	979	633	54.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.6	53.2	13.8%
Nợ dài hạn	0.26	0.26	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	653	649	0.6%
Vốn chủ sở hữu	653	649	0.6%
Vốn điều lệ	479	479	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

